

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng  
Trường THPT Bạch Đằng

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông**  
**Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	10 lớp theo chương trình học cơ bản	08 lớp theo chương trình học cơ bản	08 lớp theo chương trình học cơ bản
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Đầu năm học, Nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh thông báo kế hoạch năm học, chỉ tiêu phấn đấu thi TN THPT đỗ tốt nghiệp, đỗ Đại học - Cao đẳng; Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và gia đình thông qua Thường trực ban đại diện CMHS của trường, của lớp và thông qua số liên lạc điện tử giữa GVCN với phụ huynh học sinh.</p> <p>- Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Tích cực, chủ động, sáng tạo dành nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu chuẩn bị bài.</p>		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>- Tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm (có kế hoạch cụ thể).</p> <p>- Tổ chức phát động thi đua nhân các ngày lễ lớn.</p>		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>- Đạo đức khá tốt: 100%</p> <p>- Học lực: Giỏi: 8,56% Khá: 60,59% TB: 28,15% Yếu: 2,7%</p>	<p>- Đạo đức khá tốt: 100%</p> <p>- Học lực: Giỏi: 17,78% Khá: 62,22% TB: 18,33% Yếu: 1,67%</p>	<p>- Đạo đức khá tốt: 100%</p> <p>- Học lực: Giỏi: 38,01% Khá: 56,73% TB: 5,26% Yếu: không có</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	99,5%, hạn chế học sinh bỏ học và lưu ban	99,5% hạn chế học sinh bỏ học và lưu ban	100% học sinh đỗ tốt nghiệp THPT 65% học sinh đỗ vào các trường ĐH, CĐ

Thủy nguyên, ngày 23 tháng 06 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



**Đỗ Thị Thúy Vinh**

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng  
Trường THPT Bạch Đằng

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ  
thông năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1.420</b>	<b>496</b>	<b>451</b>	<b>473</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1364 96.06%	96.17 89,41%	423 93.79%	464 98.1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48 3.38%	17 3.43%	22 4.88%	9 1.9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1420</b>	<b>496</b>	<b>451</b>	<b>473</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	662 46.62%	158 31.85%	206 45.68%	298 63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	620 43.66%	263 53.02%	206 45.68%	151 31.92%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	125 8.8%	68 13.71%	34 7.54%	23 4.86%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	13 0.92%	7 1.41%	5 1.11%	1 0.21%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	<b>658/762</b>	<b>230/266</b>	<b>198/253</b>	<b>230/243</b>
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>01</b>		<b>01</b>	

Thủy nguyên, ngày 22 tháng 06 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



**Đỗ Thị Thúy Vinh**